

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Trung Hậu

2. Ông Lê Ngọc Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoàng A, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020 của chị Nguyễn Ngọc T và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2007 chị và anh Phạm Hoàng A quen biết nhau, có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp T, xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng chị mỗi khi uống rượu về là ghen tuông vô cớ, dẫn đến cãi nhau trầm trọng. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh A; vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/02/2009 và Phạm Minh M, sinh ngày 18/9/2014. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

- Anh Phạm Hoàng A đã nhận được tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp bản khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Ngọc Th vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Chị bổ sung thêm là hiện nay hai con đang sống với chị. Cháu Nguyễn Minh T1 là con chung của chị và anh Phạm Hoàng A nhưng giấy khai sinh chỉ để tên mẹ vì lúc đó chị và anh A chưa đăng ký kết hôn nên không để tên cha. Chị trình bày hiện nay hai con chị đang đi học, chị có thu nhập ổn định để nuôi hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Phạm Hoàng A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt theo quy định Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T và anh Phạm Hoàng A có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị T và anh A là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn:

Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, không hợp tính nhau. Hiện hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Anh A không có bản khai và không đến Tòa án trình bày ý kiến. Theo quy định của pháp luật thì đương sự không đưa ra ý kiến để chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, mâu thuẫn giữa chị T và anh A đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh A.

[4] Về con chung:

Chị T và anh A có hai con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/02/2009 và Phạm Minh M, sinh ngày 18/9/2014. Chị T trình bày cháu Nguyễn Minh T là con chung của chị và anh Phạm Hoàng A nhưng giấy khai sinh chỉ để tên mẹ vì lúc đó chị và anh A chưa đăng ký kết hôn nên không để tên cha là có căn cứ chấp nhận cháu Nguyễn Minh T1 là con chung của chị T và anh A. Nay chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con. Theo quy định của pháp luật thì vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Ngày 02/5/2020 cháu Nguyễn Minh T1 có bản khai là muốn được sống chung với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị T đang nuôi hai con. Chị T tiếp tục nuôi hai con sẽ tốt hơn cho quyền lợi về mọi mặt của hai cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2009 và Phạm Minh M, sinh ngày 18/9/2014. Chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị T nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 58, 81, 82, 84 khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn anh Phạm Hoàng A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc T được trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Minh T, sinh ngày 05/02/2009 và Phạm Minh M, sinh ngày 18/9/2014, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; chị Nguyễn Ngọc T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0011448 ngày 20/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua, chị T không phải nộp án phí nữa.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân Bình;
- Các đương sự
- Lưu.

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Dũng

]